

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VB
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15-6-2022

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn M; nơi cư trú: Thôn A, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lương Thị H; nơi cư trú: Thôn A, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Nguyễn Đức C, Công ty Luật TNHH MTV H P- Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 52A, đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị Lương Thị H xây dựng gia đình với nhau tự nguyện, lễ cưới được tổ chức theo phong tục địa phương vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Từ năm 2009 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh và chị Lương Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị Lương Thị H có hai con chung là Nguyễn Thị NM, sinh ngày 26-02-1993 và Nguyễn Thị N, sinh này 21-4-2003. Hiện nay đều đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lương Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M chung sống vợ chồng từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2009 do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Từ năm 2009 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh M đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh M, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn M có hai con chung là Nguyễn Thị NM, sinh ngày 26-02-1993 và Nguyễn Thị N, sinh này 21-4-2003. Hiện nay đều đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ngày 18-4-2022 chị Lương Thị H có đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung giữa chị và anh Nguyễn Văn M gồm có: 01 ngôi nhà và công trình phụ xây dựng năm 1994 trên diện tích 58m² đất ở tại Thôn A, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc đất ở là của bà Nguyễn Thị Xuân mẹ đẻ anh M. Trị giá nhà, đất là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tòa án nhân dân huyện VB đã ra Thông báo số 23/TB-TA ngày 18-4-2022 yêu cầu chị Lương Thị H nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản, tuy nhiên quá thời hạn kể từ ngày nhận được thông báo chị Lương Thị H không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí mà không có lý do chính đáng. Ngày 04-5-2022 Tòa án nhân huyện VB đã ra Thông báo số 04/TB-TA trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo

cho chị Lương Thị H. Chị H không khiếu nại đối với thông báo về việc trả lại đơn, đồng thời có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung đối với anh Nguyễn Văn M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư Nguyễn Đức C, Công ty Luật TNHH MTV H P- Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng có văn bản trình bày quan điểm như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân giữa chị H và anh M vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: Anh M và chị H có hai con chung là Nguyễn Thị NM, sinh ngày 26-02-1993 và Nguyễn Thị N, sinh này 21-4-2003, hiện nay đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H có đơn đề nghị chia tài sản chung giữa chị và anh M là nhà, đất ở tại Thôn A, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng, sau đó chị H đã rút yêu cầu chia tài sản. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H. Về tài sản chung: Anh M và chị H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn, chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, tại các phiên họp, phiên hòa giải bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H. Về con chung: Anh M và chị H có hai con chung là Nguyễn Thị NM, sinh ngày 26-02-1993 và Nguyễn Thị N, sinh này 21-4-2003, hiện nay đều đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Lương Thị H có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn M, chị Lương Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H là Luật sư Nguyễn Đức C, Công ty Luật TNHH MTV H P- Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1990. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu và có hai con chung, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2009 do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Từ năm 2009 đến nay chị H và anh M sống ly thân, mỗi người ở một nơi. Nay anh M xác định tình nghĩa vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Lương Thị H. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị và anh M theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương thì thấy anh Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H chung sống vợ chồng từ năm 1990, tại thời điểm chung sống anh Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H đều đủ tuổi kết hôn nhưng cả hai đã không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù anh Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H đã có thời gian dài chung sống cùng nhau và có con chung, tuy nhiên theo quy định tại Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì không xác định quan hệ giữa anh Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H là vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu của anh Nguyễn Văn M đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh và chị Lương

Thị H là vợ chồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H có hai con chung là Nguyễn Thị NM, sinh ngày 26-02-1993 và Nguyễn Thị N, sinh này 21-4-2003 hiện nay đều đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Ngày 18-4-2022 chị Lương Thị H có đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung gồm có: 01 ngôi nhà và công trình phụ xây dựng năm 1994 trên diện tích 58m² đất ở tại Thôn A, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc đất ở là của bà Nguyễn Thị Xuân mẹ đẻ anh M. Trị giá nhà đất là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tòa án nhân dân huyện VB đã ra Thông báo số 23/TB-TA ngày 18-4-2022 yêu cầu chị Lương Thị H nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản. Tuy nhiên, đã quá thời hạn kể từ ngày nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, chị Lương Thị H không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí mà không có lý do chính đáng. Ngày 04-5-2022 Tòa án nhân huyện VB đã ra Thông báo số 04/TB-TA trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo cho chị Lương Thị H. Chị H không khiếu nại đối với thông báo về việc trả lại đơn, đồng thời có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung đối với anh Nguyễn Văn M. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị Lương Thị H và anh Nguyễn Văn M.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H có hai con chung là Nguyễn Thị NM, sinh ngày 26-02-1993 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 21-4-2003, hiện nay đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Lương Thị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh M đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002191 ngày 18 tháng 02 năm 2022. Anh M đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã TC huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền